



Mã số/ Code: NB141910695/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL
- Địa chỉ/
Address : Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : TTTM.3385.A.03
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Bao gói kín, có tem mã hóa mẫu
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 16/06/2025
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 16/06/2025-23/06/2025
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/06/2025
- Hình ảnh sản phẩm/ Picture of Sample



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: NB141910695/03

Số mã hóa mẫu của KH/ Sample code of customer: TTTM.3385.A.03

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Hàm lượng Formaldehyt */ Formaldehyde	mg/kg	KPH (LOD = 5)	TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184-1:2011)
2	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo*/ Determination of aromatic amines derived from azo colorants	mg/kg	KPH (LOD = 3)	TCVN 12512-1:2018 (ISO 14362-1:2017)

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện / Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.
- Kết quả thử nghiệm được thử trên mẫu gộp theo yêu cầu của khách hàng / The results are tested based on composite samples by the customer's request.

DANH SÁCH CÁC AMIN THƠM CÓ THỂ CHUYỂN HÓA TỪ CHẤT MÀU AZO/ LIST OF AROMATIC AMINES THAT CAN BE CONVERTED FROM AZO

No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS	No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS
1	4-aminobiphenyl xenylamine	92-67-1	12	3,3'-dimethylbenzidine/ 4,4'-bi-o toluidine	119-93-7
2	Benzidine	92-87-5	13	4,4'-methylenedi-o-toluidine	838-88-0
3	4-chlor-o-toluidine	95-69-2	14	6-methoxy-m-toluidine/ p-cresidine	120-71-8
4	2-naphthylamine	91-59-8	15	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	101-14-4
5	o-aminoazotoluene/ 4-amino-2',3'-dimethylazobenzene/ 4-o-tolylazo-o-toluidene	97-56-3	16	4,4'-oxydianiline	101-80-4
6	5-nitro-o-toluidine	99-55-8	17	4,4'-thiodianiline	139-65-1
7	4-chloraniline	106-47-8	18	o-toluidine/ 2-aminotoluene	95-53-4
8	4-methoxy-m-phenylenediamine	615-05-4	19	4-methyl-m-phenylenediamine	95-80-7
9	4,4'-diaminodiphenylmethane/ 4,4'-methylenedianiline	101-77-9	20	2,4,5-trimethylaniline	137-17-7
10	3,3'-dichlorobenzidine/ 3,3'-dichlorobiphenyl-4,4'-ylenediamine	91-94-1	21	o-anisidine/ 2-methoxyaniline	90-04-0
11	3,3'-dimethoxybenzidine/ o-dianisidine	119-90-4	22	4-aminoazobenzene	60-09-3

PHÒNG KIỂM NGHIỆM/ QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG/ DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: NB141910695/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL
- Địa chỉ/ Address : Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : TTTM.3385.A.02
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Bao gói kín, có tem mã hóa mẫu
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 16/06/2025
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 16/06/2025-23/06/2025
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 23/06/2025
- Hình ảnh sản phẩm/ Picture of Sample



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: NB141910695/02

Số mã hóa mẫu của KH/ Sample code of customer: TTTM.3385.A.02

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Hàm lượng Formaldehyt */ Formaldehyde	mg/kg	KPH (LOD = 5)	TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184-1:2011)
2	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo*/ Determination of aromatic amines derived from azo colorants	mg/kg	KPH (LOD = 3)	TCVN 12512-1:2018 (ISO 14362-1:2017)

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện / Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.
- Kết quả thử nghiệm được thử trên mẫu gộp theo yêu cầu của khách hàng / The results are tested based on samples by the customer's request.

DANH SÁCH CÁC AMIN THƠM CÓ THỂ CHUYỂN HÓA TỪ CHẤT MÀU AZO/ LIST OF AROMATIC AMINES THAT CAN BE CONVERTED FROM AZO

No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS	No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS
1	4-aminobiphenyl xenylamine	92-67-1	12	3,3'-dimethylbenzidine/ 4,4'-bi-o-toluidine	119-93-7
2	Benzidine	92-87-5	13	4,4'-methylenedi-o-toluidine	838-88-0
3	4-chlor-o-toluidine	95-69-2	14	6-methoxy-m-toluidine/ p-cresidine	120-71-8
4	2-naphthylamine	91-59-8	15	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	101-14-4
5	o-aminoazotoluene/ 4-amino-2',3'-dimethylazobenzene/ 4-o-tolylazo-o-toluidene	97-56-3	16	4,4'-oxydianiline	101-80-4
6	5-nitro-o-toluidine	99-55-8	17	4,4'-thiodianiline	139-65-1
7	4-chloraniline	106-47-8	18	o-toluidine/ 2-aminotoluene	95-53-4
8	4-methoxy-m-phenylenediamine	615-05-4	19	4-methyl-m-phenylenediamine	95-80-7
9	4,4'-diaminodiphenylmethane/ 4,4'-methylenedianiline	101-77-9	20	2,4,5-trimethylaniline	137-17-7
10	3,3'-dichlorobenzidine/ 3,3'-dichlorobiphenyl-4,4'-ylenediamine	91-94-1	21	o-anisidine/ 2-methoxyaniline	90-04-0
11	3,3'-dimethoxybenzidine/ o-dianisidine	119-90-4	22	4-aminoazobenzene	60-09-3

PHÒNG KIỂM NGHIỆM/ QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG/ DIRECTOR

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*). Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: NB141910695/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/
Customer's Name : TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL
- Địa chỉ/
Address : Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Bắc,
Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
- Tên mẫu thử/
Name of Sample : TTTM.3385.A.01
- Mô tả mẫu/
Sample Description : Bao gói kín, có tem mã hóa mẫu
- Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 16/06/2025
- Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày
sau thử nghiệm
- Ngày thử nghiệm/
Date of test : 16/06/2025-23/06/2025
- Ngày trả kết quả/
Date of issue : 23/06/2025
- Hình ảnh sản phẩm/ Picture of Sample



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: NB141910695/01

Số mã hóa mẫu của KH/ Sample code of customer: TTTM.3385.A.01

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Hàm lượng Formaldehyt */ Formaldehyde	mg/kg	KPH (LOD = 5)	TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184-1:2011)
2	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo*/ Determination of aromatic amines derived from azo colorants	mg/kg	KPH (LOD = 3)	TCVN 12512-1:2018 (ISO 14362-1:2017)

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện / Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limit of detection of method.
- Kết quả thử nghiệm được thử trên mẫu gộp theo yêu cầu của khách hàng / The results are tested based on combine samples by the customer's request.

DANH SÁCH CÁC AMIN THƠM CÓ THỂ CHUYỂN HÓA TỪ CHẤT MÀU AZO/ LIST OF AROMATIC AMINES THAT CAN BE CONVERTED FROM AZO

No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS	No.	Tên Amin/ Amine	Số CAS
1	4-aminobiphenyl xenylamine	92-67-1	12	3,3'-dimethylbenzidine/ 4,4'-bi-o-toluidine	119-93-7
2	Benzidine	92-87-5	13	4,4'-methylenedi-o-toluidine	838-88-0
3	4-chlor-o-toluidine	95-69-2	14	6-methoxy-m-toluidine/ p-cresidine	120-71-8
4	2-naphthylamine	91-59-8	15	4,4'-methylene-bis-(2-chloro-aniline)	101-14-4
5	o-aminoazotoluene/ 4-amino-2',3'-dimethylazobenzene/ 4-o-tolylazo-o-toluidene	97-56-3	16	4,4'-oxydianiline	101-80-4
6	5-nitro-o-toluidine	99-55-8	17	4,4'-thiodianiline	139-65-1
7	4-chloraniline	106-47-8	18	o-toluidine/ 2-aminotoluene	95-53-4
8	4-methoxy-m-phenylenediamine	615-05-4	19	4-methyl-m-phenylenediamine	95-80-7
9	4,4'-diaminodiphenylmethane/ 4,4'-methylenedianiline	101-77-9	20	2,4,5-trimethylaniline	137-17-7
10	3,3'-dichlorobenzidine/ 3,3'-dichlorobiphenyl-4,4'-ylenediamine	91-94-1	21	o-anisidine/ 2-methoxyaniline	90-04-0
11	3,3'-dimethoxybenzidine/ o-dianisidine	119-90-4	22	4-aminoazobenzene	60-09-3

PHÒNG KIỂM NGHIỆM/ QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG/ DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b), được Cục Chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận SẢN PHẨM DỆT MAY

Của: **CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Xóm Cầu Sộp, đường 392, Thị Trấn Kẻ Sặt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất:

- Cụm Công Nghiệp Phương La, Thôn Phương La, Xã Thái Phương, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- Tổ dân phố Thịnh Vạn, Phường Minh Đức, Thị Xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 01:2017/BCT

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

Số Giấy chứng nhận	:	TQC.5.3385	Ngày bắt đầu chu kỳ	:	30/06/2025
Loại hình cấp	:	Chứng nhận lần đầu	Phiên bản	:	01
Ngày hiệu lực	:	30/06/2025	Ngày kết thúc	:	29/06/2028
Chi tiết tại Quyết định số	:	3385/2025/QĐ-TQC			

Từ ngày 30/06/2026, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Quét mã truy xuất chứng chỉ



TQC.5.3385

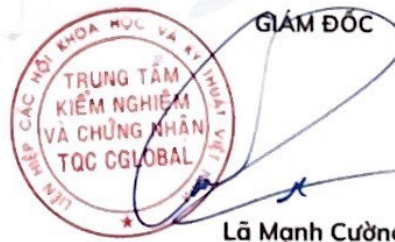
Dấu chứng nhận



Dấu công nhận



VICAS 063-PRO



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>

GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận SẢN PHẨM DỆT MAY

Của: **CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Xóm Cầu Sộp, đường 392, Thị trấn Ké Sặt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất:

- Cụm Công Nghiệp Phương La, Thôn Phương La, Xã Thái Phương, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- Tổ dân phố Thịnh Vạn, Phường Minh Đức, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

QCVN 01:2017/BCT

Phương thức chứng nhận: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017

Số Giấy chứng nhận	: TQC.5.3385	Ngày bắt đầu chu kỳ	: 30/06/2025
Loại hình cấp	: Chứng nhận lần đầu	Phiên bản	: 01
Ngày hiệu lực	: 30/06/2025	Ngày kết thúc	: 29/06/2028
Chi tiết tại Quyết định số	: 3385/2025/QĐ-TQC		

Từ ngày 30/06/2026, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Quét mã truy xuất chứng chỉ



TQC.5.3385

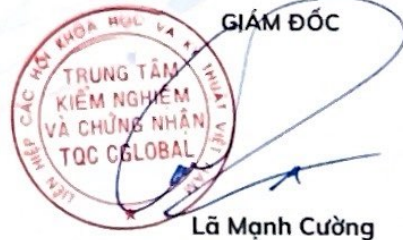
Dấu chứng nhận



Dấu công nhận



VICAS 063-PRO



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khoach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>

CERTIFICATE



This is certify that **TEXTILE PRODUCTS**

of: **QUOC ANH HAI DUONG CO.,LTD**

Address: Cau Sop Hamlet, Road 392, Ke Sat Town, Binh Giang District, Hai Duong Province, Vietnam.

Manufacturing location:

- Phuong La Industrial Cluster, Phuong La Village, Thai Phuong Commune, Hung Ha District, Thai Binh Province, Vietnam.
- Thinh Van Residential Group, Minh Duc Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam

Has been audited and found to be in conformance with the requirements set forth by:

QCVN 01:2017/BCT

Mode of certification: Method 5 - Circular 28/2012 /TT-BKHCN dated 12/12/2012 and Circular 02/2017/TT-BKHCN dated 31/03/2017.

Certificate no	: TQC.5.3385	Cycle start date	: 30/06/2025
Type of certificate issued	: Initial certification	Version	: 01
Effective date	: 30/06/2025	Expiry date	: 29/06/2028
Details at Decision No.	: 3385/2025/QĐ-TQC		

From June 30, 2026, this Certificate is valid if there is an announce of the results of surveillance audit to maintain validity of TQC CGLOBAL attached (within 03 years of surveillance and maintaining its validity 02 times).

Retrieval
information code



TQC.5.3385

Certification mark



Accreditation mark



VICAS 063-PRO



VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - TQC CGLOBAL CENTER FOR TESTING AND CERTIFICATION

Verify certificate validity at: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Certificate issuing Office: Villa C11, Pandora Area, No. 53 Trieu Khuc Street, Thanh Xuan Bac Ward, Thanh Xuan District, Hanoi City, Vietnam

Hotline Ha Noi: +84969416668, Da Nang: +84968799816, Ho Chi Minh: +84988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Kính gửi: **CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Xóm Cầu Sộp, đường 392, Thị trấn Kè Sặt, Huyện Bình Giang,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất:

- Cụm Công nghiệp Phương La, Thôn Phương La, Xã Thái Phương,
Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- Tổ dân phố Thịnh Vượng, Phường Minh Đức, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên,
Việt Nam

Quý khách hàng: **ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG DẤU CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM
HỢP QUY BÊN DƯỚI THEO QUY ĐỊNH CỦA TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ TQC CGLOBAL)**

Lựa chọn 1	Lựa chọn 2	Lựa chọn 3
Dấu hợp quy nhỏ gọn, kèm logo của Tổ chức chứng nhận. Phù hợp với các bao bì nhãn mác của sản phẩm có diện tích trình bày hạn chế	Dấu hợp quy có đầy đủ logo và tên của Tổ chức chứng nhận để khách hàng và đối tác dễ dàng nhận diện	Dấu hợp quy, kèm logo của Tổ chức công nhận – Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) – Bộ Khoa học và Công nghệ. Phù hợp với các bao bì cho sản phẩm xuất khẩu hoặc các tài liệu quảng cáo và thể hiện trên Website của quý khách hàng

Ghi chú:

CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG được sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy nêu trên và chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng tối thiểu 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm giấy chứng nhận có hiệu lực.

- Tùy theo nhu cầu sử dụng in trên bao bì hoặc trên các phương tiện in ấn, quảng cáo mà khách hàng có thể sử dụng Lựa chọn 1 hoặc Lựa chọn 2 hoặc Lựa chọn 3.
- Dấu hợp quy (CR) có hình dạng, kích thước theo quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này. Hình dạng, kích thước và Logo của Tổ chức chứng nhận theo quy định tại Phụ lục 2.
- Dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hoá hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hoá ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng (chương trình quảng cáo, thư).

- d) Khách hàng chỉ được sử dụng dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy của TQC CGLOBAL đối với sản phẩm đã được chứng nhận.
- e) Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.
- f) Dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy phải có màu sắc đúng với màu đã cấp hoặc thể hiện cùng một màu.

PHỤ LỤC 1: HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA DẤU HỢP QUY

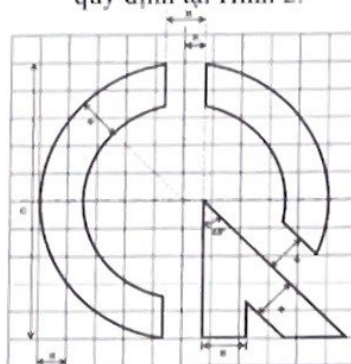
1. Dấu hợp quy có hình dạng được mô tả tại

Hình 1.



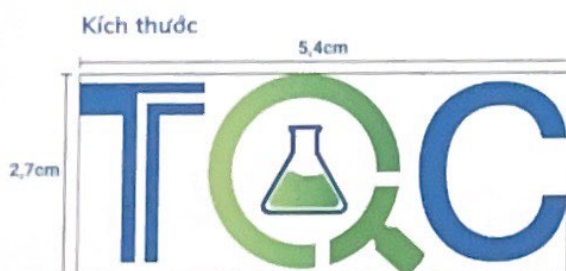
Hình 1. Hình dạng dấu hợp quy

2. Kích thước cơ bản để thiết kế dấu hợp quy quy định tại Hình 2.

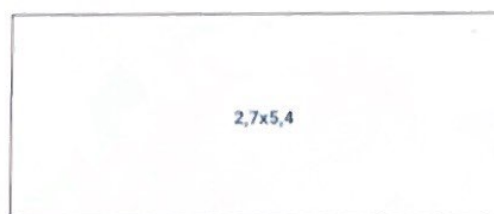


Hình 2. Kích thước cơ bản của dấu hợp quy
Chủ thích: $H = 1,5 a$; $h = 0,5 H$; $C = 7,5 H$

PHỤ LỤC 2: HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA LOGO TQC CGLOBAL



Tỷ lệ



Màu sắc sử dụng

#124CA0

C: 99

M: 80

Y: 3

K: 0

#9CCA70

C: 42 C: 85

M: 1 M: 16

Y: 74 Y: 98

K: 0 K: 3



TQC CGlobal Center for Testing and Certification
Trung Tâm Kiểm Nghiệm Và Chứng Nhận TQC CGLOBAL
MULISH

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

- Căn cứ Quyết định số 1804/QĐ-LHHVN ngày 19/12/2017 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC;
- Căn cứ Quyết định số 107/QĐ – LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận Chất lượng TQC thành Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Quyết định số 110/QĐ – LHHVN ngày 08/03/2023 của Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ số A-1861 ngày 03/04/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Căn cứ Quyết định số 3639/QĐ-BCT ngày 30/12/2024 của Bộ Công Thương về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm dệt may;
- Căn cứ Báo cáo thẩm xét hồ sơ đánh giá chứng nhận hợp quy ngày 26/06/2025;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận số TQC.5.3385 đối với: SẢN PHẨM DỆT MAY

Của: CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Xóm Cầu Sộp, đường 392, Thị Trấn Kê Sặt, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất:

- Cụm Công Nghiệp Phương La, Thôn Phương La, Xã Thái Phương, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

- Tổ dân phố Thịnh Vạn, Phường Minh Đức, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Phù hợp với: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 01:2017/BCT

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(Chi tiết xem tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)



Điều 2. CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG được phép sử dụng Giấy chứng nhận và dấu phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 01:2017/BCT theo quy định của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực **03 năm** kể từ ngày ký. Các sản phẩm của **CÔNG TY TNHH QUỐC ANH HẢI DƯƠNG** được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần, tương ứng 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm Giấy chứng nhận có hiệu lực.

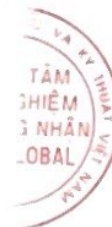
Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Sở Công Thương;
- Lưu PCN.

**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL**



GIÁM ĐỐC
Lã Mạnh Cường





PHỤ LỤC: PHẠM VI CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3385/2025/QĐ-TQC ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL)

TT	Tên sản phẩm	Mã hàng theo Phụ lục I, QCVN 01:2017/BCT	Phân nhóm sản phẩm dệt may	Các loại vải (tính theo thành phần % chất liệu cấu tạo lên vải dùng để sản xuất sản phẩm)	Số TCCS
1.	Khăn bông	6302	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da	100% cotton	TCCS 1/2025/CTYQA
2.	Khăn microfiber	6302	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da	80% polyester 20% polyamide	
3.	Khăn sợi (modal)	6302	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da	55 %Modal 45% cotton	